

GHỊ CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Tên điểm: _____ Số hiệu: CK.I.10 Mảnh bản đồ: C-48-81-A-0.5

Phương pháp đo: Đường Chuyền Cấp, hạng: ĐC.I

Trị giá khái lược _____ Độ cao: 1.3 m Kinh độ: 106° 02' 8
Vĩ độ: 9° 50' 9

Loại đất: Công Chất đất: thịt

Nơi đặt mốc: Thôn (bản, làng): Chông Nô 2 Xã (thị trấn, phường): Hoà Tân

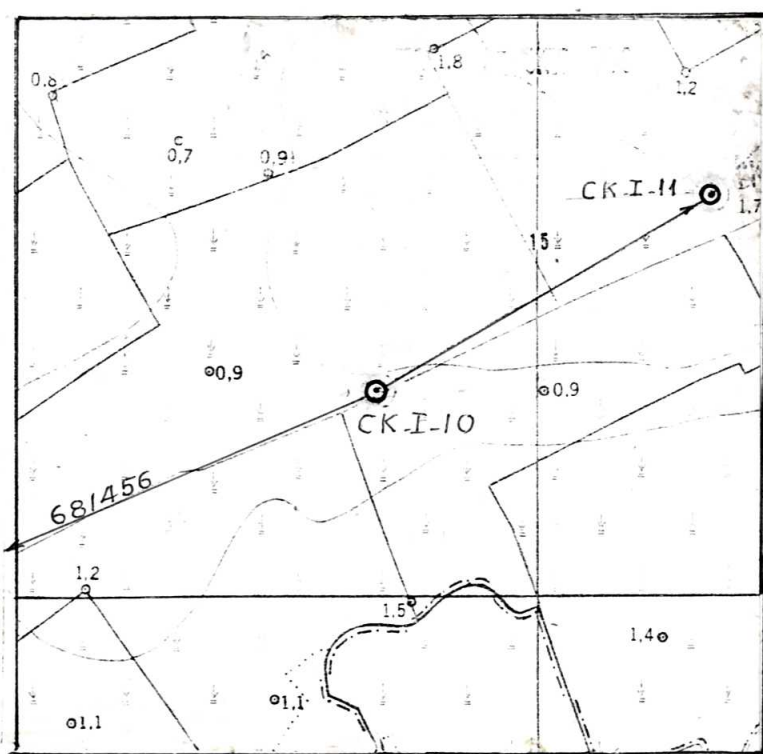
Huyện (Quận): Cầu Kê Tỉnh (Thành phố): Tây Ninh

Nơi ở gần nhất: Ấp: Chông Nô 2 Khoảng cách tới điểm: 1 km

Người chọn: Phạm Văn Krong Đơn vị chọn: XNTĐ 203 - Công ty đo đạc địa chính & công trình

Ngày 06 tháng 3 năm 2000

Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng



Tỷ lệ: 1/10.000

Điểm thông hướng:

B (Tên, số hiệu, cấp hạng điểm liên quan mà từ mặt đất điểm trạm đo nhìn thông suốt tới điểm liên quan)

Điểm: 681456
CK.I.11

Họ, tên, địa chỉ người

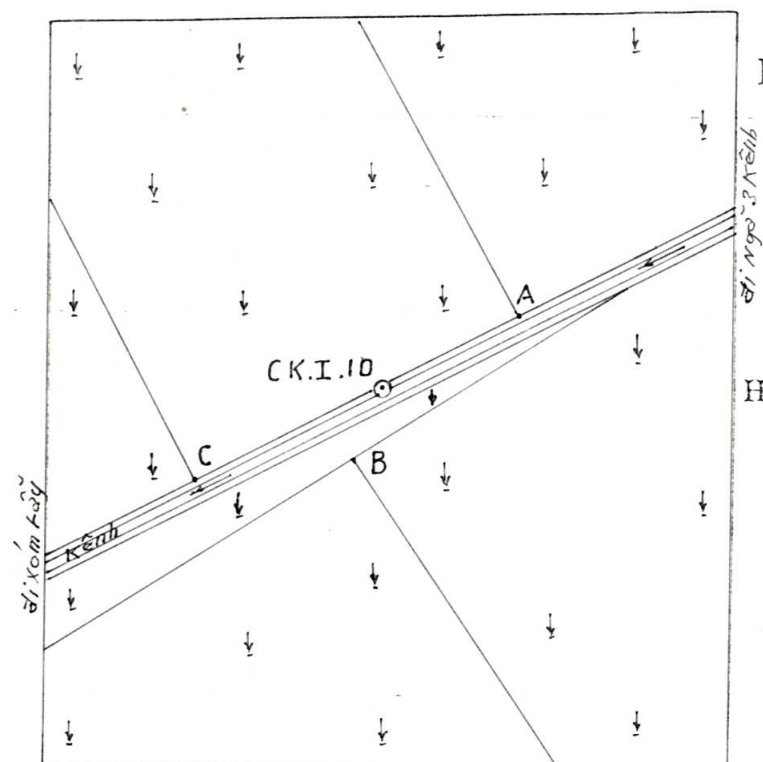
dẫn đường:

Trần Văn Phú
Ấp: Chông Nô 2
Xã: Hoà Tân
Huyện: Cầu Kê
Tỉnh: Tây Ninh

Số liệu đo mốc (mm)

Từ van đến điểm đến:	Lần 1	Lần 2	T.B.	Chiều cao các tầng mốc
Đáy nố	<u>1 532</u>	<u>1 533</u>	<u>1 532</u>	
Trung tâm mốc dưới	<u>1 035</u>	<u>1 034</u>	<u>1 034</u>	<u>498</u>
Trung tâm mốc giữa				
Trung tâm mốc trên				
Mặt đất	<u>0 692</u>	<u>0 692</u>	<u>0 692</u>	<u>342</u>
Mặt tường vôi hoặc mặt đất sau khi đắp	<u>0 360</u>	<u>0 360</u>	<u>0 360</u>	<u>332</u>

Sơ đồ vị trí điểm



Tỷ lệ: 1/2000

Đơn vị chôn mốc, làm tường vôi:

Xí nghiệp trắc địa 203

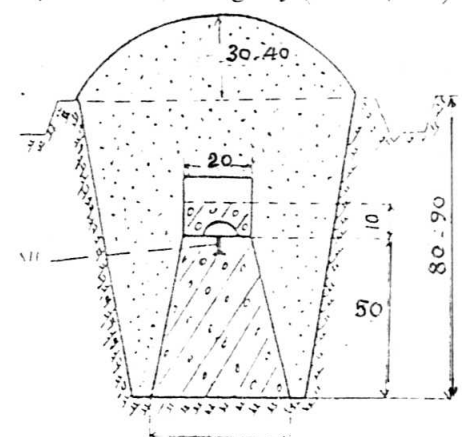
Người chôn mốc, làm tường vôi:

Nguyễn Đức Thuận

Loại mốc: Chôn 1 tầng

Ngày 17 tháng 3 năm 2000

Hình vẽ mặt cắt mốc, tường vôi (đơn vị cm)



Vị	Tên vật chuẩn	Hướng và khoảng cách từ mốc đến vật chuẩn (m)
A	<u>Góc bờ ruộng</u>	<u>Đông Bắc</u> <u>40.90</u>
B	<u>Tâm ngõ 3 bờ ruộng</u>	<u>Nam Tây Nam</u> <u>20.00</u>
C	<u>Góc bờ ruộng</u>	<u>Tây Nam</u> <u>54.00</u>

Điểm này: Tận dụng mốc cũ, gia cố, chôn trùng mốc

Tên điểm: _____ Số hiệu: _____ Cấp, hạng: _____

Điểm này đo nổi độ cao bằng: _____ Cấp, hạng: _____

Đường đi đến điểm (đường ô tô, sắt, thủy, số KM):

Từ thị trấn, Huyện Cầu Kê, hướng Tây Nam, theo đường đất, đến Ấp Chông Nô 2 (Xã Hoà Tân) độ 3 Km, rồi theo bờ kênh, ông đến đến điểm độ 1 Km.

Cơ quan gia cố mốc, tường vôi, lập ghi chú điểm:

Ngày 17 tháng 3 năm 2000

Ngày 30 tháng 3 năm 2000

Người làm ghi chú điểm

Người kiểm tra

Phạm Văn Krong

Hà Văn Hỷ

HƯỚNG DẪN LẬP GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Bản ghi chú điểm tọa độ này sử dụng để làm ghi chú điểm tọa độ Nhà nước cấp "O", hạng I, II, III (cơ sở), IV và địa chính I, II. Sử dụng mực màu đen để điền viết hoặc đánh máy kiểu chữ in nghiêng. Chữ, số, nét vẽ phải rõ ràng, cân thân, đậm nét để đảm bảo khi photocopy được bản rõ nét.

1. Tên điểm : Lấy theo địa danh nơi đặt điểm địa phương thường dùng ở vùng dân tộc ít người ghi phiên âm trong ngoặc đơn. Các điểm địa chính I, II thường không có tên điểm.

2. Số hiệu, cấp hạng điểm : Theo quy định trong luận chung kinh tế - kỹ thuật (LCKT - KT) và thực tế thi công.

3. Mảnh bản đồ số : Là phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình lưới chiếu Gauss, tỉ lệ 1 : 100 000 đối với điểm cấp "O", hạng I, II, III, IV Nhà nước và tỉ lệ 1 : 50 000 đối với điểm địa chính I, II.

4. Phương pháp đo : Theo quy định trong LCKT - KT, thí dụ : Công nghệ GPS, đường chuyền ... và thực tế thi công.

5. Giá trị khái lược : Lấy theo số liệu trên bản đồ ở mục 3. Độ cao lấy đến mét, kinh, vĩ độ đến 0,1'.

6. Loại đất : Đất công hay tư (tư nhân sử dụng), chất đất theo thực tế. Nếu gán trên vật kiến trúc, trên đá thì ghi rõ gán trên (tháp nước, nhà mái bằng, nền đất...) - tên riêng, tên chủ nhà...

7. Nơi đặt mốc : Là địa chỉ hiện tại. Nếu làm trên hệ phố, lòng đường phải ghi tên đường, phố.

8. Nơi gắn nhãn : Là tên thôn (bản, làng) hoặc nhà ở (nếu điểm để ở trong khu dân cư) gần nhất. Khoảng cách tới điểm tính từ nơi gắn nhãn và lấy đến 1 km, 0,1 km hoặc tới chục mét tùy theo điểm ở xa, gần cụ thể.

9. Người chọn, đơn vị chọn : Là tên người, đơn vị thực tế đã chọn điểm.

10. Điểm thông hướng : Theo quy định trong LCKT - KT và theo thực tế thông hướng của điểm.

11. Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng : Cắt và dán bản đồ địa hình (hoặc bản photocopy bản đồ địa hình, bản đồ khu vực) tỉ lệ 1 : 10 000 - 1 : 50 000, mỗi cạnh 10 x 10 cm. Lấy vị trí điểm làm trung tâm. Điểm cấp "O", hạng I, II, III, IV Nhà nước vẽ bằng ký hiệu tam giác ▲, điểm địa chính I, II bằng ký hiệu vòng tròn ●. Canh tam giác, đường kính vòng tròn là 4 mm và tô đặc. Số hiệu điểm ghi vào chỗ thuận tiện. Độ cao của chữ, số là 2,5 mm. Hướng đến điểm thông hướng vẽ mũi tên đến vị trí điểm đó (nếu điểm ở trong khung) hoặc vẽ đến cạnh khung (nếu điểm ở ngoài khung). Số hiệu điểm thông hướng viết dọc theo chiều mũi tên, cao 2,5 mm. Sơ đồ hướng : Chỉ vẽ hướng đến các điểm thông hướng.

12. Người dẫn đường : Là người có hồ khẩu thường trú ở địa phương, ghi địa chỉ cụ thể.

13. Sơ đồ đo mốc : Chỉ có khi chôn mốc từ hai tầng trở lên hoặc mốc có hai đầu mốc. Số liệu lấy từ số đo mốc. Điểm tọa độ hạng IV Nhà nước, điểm địa chính I, II không có mục này. Các điểm gán trên vật kiến trúc thường cũng không có mục này.

14. Sơ đồ vị trí điểm (10 x 9 cm) và vật chuẩn : Chọn tỷ lệ thích hợp để vẽ được 3 vật chuẩn nằm trong khung sơ đồ. Chỉ vẽ các yếu tố chính có liên quan đến tìm điểm. Vật chuẩn phải là các địa vật cố định, ổn định lâu dài ở thực địa. Ký hiệu và số hiệu điểm quy định như ở mục 11 nhưng không tô đặc, có chạm ở tam ký hiệu.

15. Người, đơn vị chôn mốc, làm tường vây : Mục nào không làm gạch ngang để bỏ.

16. Loại mốc : Mốc chôn 2 hoặc 3 tầng, mốc gán trên núi đá, nền đá 2 tầng, mốc gán trên vật kiến trúc 1 hoặc 2 tầng, bê thiềm ván (nếu trùng vào bê thiềm ván).

17. Hình vẽ mặt cắt : Theo sơ đồ ghi chú điểm cũ (mốc chôn cũ) và theo thực tế chôn mốc, làm tường vây mới.

18. Điểm này : Tận dụng mốc cũ, gia cố, chôn trùng mốc; Gạch ngang bỏ mục không làm. Nếu chôn mốc mới không gạch bỏ và không điền viết mục này.

19. Điểm này có số, độ cao bằng : Công nghệ GPS, đo các hình ảnh đo các hình ảnh... Cấp, hạng : Ghi khi đạt từ kỹ thuật (hoặc tương đương) trở lên. Thí dụ : Kỹ thuật, tương đương hạng IV, hạng IV...

20. Đường đi tới điểm : Ghi rõ đi từ địa điểm cụ thể nào, bằng phương tiện gì. Nếu đi bộ qua rừng, núi thì phải ghi thời gian đi và phòng chừng quãng đường.

21. Các quan gia cố mốc, tường vây, lấp ghi chú điểm : Nếu mốc, tường vây làm mới thì không ghi mục này. Nếu làm bổ sung thì gạch ngang để bỏ phần việc không làm, tương tự mục 18.

22. Người làm ghi chú điểm, người kiểm tra : Ghi rõ họ tên, không viết tắt.

TỔNG CỤC ĐỊA CHÍNH

11/05/2000

GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

TÊN ĐIỂM : _____

SỐ HIỆU : CK.I.10

CẤP, HẠNG : Đ.C.I

NĂM 2000